

*

Số -QĐ/HVCTQGHC

QUYẾT ĐỊNH

**về việc ban hành Quy tắc về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp
trong nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
 - Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;
 - Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;
 - Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
 - Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-BKHHCN ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Hướng dẫn về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Giám đốc Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Giám đốc Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu văn thư, VQLKH, TTCNCĐS, VTCCB.

GIÁM ĐỐC

Đoàn Minh Huân

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

*

QUY TẮC

**về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số -QĐ/HVCTQGHCN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy tắc này quy định các nguyên tắc, chuẩn mực, trách nhiệm, biện pháp phòng ngừa; việc tiếp nhận thông tin, xác minh, kết luận và xử lý hành vi vi phạm liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học thuộc phạm vi quản lý của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Quy tắc này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Học viện; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên; chuyên gia, cộng tác viên, nhà khoa học ngoài Học viện và tổ chức, cá nhân khác tham gia nghiên cứu khoa học thuộc phạm vi quản lý, tài trợ, chủ trì, phối hợp hoặc công bố, xuất bản của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

3. Đối với tổ chức, cá nhân ngoài Học viện, việc áp dụng Quy tắc này được xác định trong quyết định giao nhiệm vụ, hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, quy định của tạp chí, nhà xuất bản hoặc văn bản có liên quan.

Điều 2. Mục đích

Quy tắc này nhằm xây dựng văn hóa liêm chính khoa học; bảo đảm môi trường nghiên cứu trung thực, khách quan, công bằng, minh bạch, có trách nhiệm và tôn trọng tự do học thuật trong khuôn khổ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Học viện; phòng ngừa việc lạm dụng quyền lực, lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm; nâng cao chất lượng, độ tin cậy của hoạt động nghiên cứu, tư vấn chính sách, đào tạo, công bố khoa học và tham mưu chiến lược; kịp thời phát hiện, xử lý, khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm, góp phần bảo vệ uy tín của Học viện và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy tắc này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Liêm chính khoa học là các yêu cầu về sự ngay thẳng, trung thực, trách nhiệm, công bằng và minh bạch của cá nhân trong nghiên cứu khoa học.

2. Đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học là tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực về tính trung thực, minh bạch, công bằng, khách quan, tôn trọng con người và xã hội mà người nghiên cứu phải tuân thủ trong quá trình nghiên cứu khoa học.

3. Dữ liệu nghiên cứu là toàn bộ thông tin, số liệu, tài liệu, kết quả điều tra, khảo sát, phỏng vấn, quan sát, thực nghiệm, phân tích hoặc dữ liệu điện tử được hình thành, thu thập, xử lý và sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Dữ liệu nghiên cứu của Học viện bao gồm dữ liệu điều tra xã hội học; dữ liệu khảo sát; dữ liệu phỏng vấn chuyên gia; dữ liệu phục vụ nghiên cứu lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tư vấn chính sách, đào tạo và các dữ liệu khác phục vụ nghiên cứu khoa học.

4. Đạo văn là hành vi sử dụng ý tưởng, dữ liệu, kết quả, sản phẩm trí tuệ, nội dung, lời văn, hình ảnh hoặc cách diễn đạt của người khác mà không trích dẫn hoặc ghi nhận nguồn một cách trung thực, đầy đủ và phù hợp với chuẩn mực học thuật; sử dụng, công bố sản phẩm do thuê, nhờ hoặc để người khác thực hiện dưới tên mình. Việc sử dụng phương pháp nghiên cứu tiêu chuẩn, dữ liệu nền tảng buộc phải lặp lại, thuật ngữ chuyên môn có định hoặc trích dẫn nguyên văn văn kiện của Đảng, văn bản pháp luật không bị coi là đạo văn nếu được trình bày minh bạch, trích dẫn và ghi nguồn phù hợp.

5. Tự đạo văn hoặc tái sử dụng không minh bạch công trình của chính mình là việc sử dụng lại đáng kể ý tưởng, dữ liệu, kết quả, nội dung hoặc sản phẩm khoa học đã công bố, nghiệm thu hoặc sử dụng trước đó của chính tác giả mà không công khai, trích dẫn hoặc giải trình phù hợp, làm sai lệch mức độ đóng góp mới của công trình.

6. Ngụy tạo dữ liệu, kết quả nghiên cứu là việc tạo ra dữ liệu, kết quả, quy trình, tài liệu hoặc bằng chứng nghiên cứu không tồn tại và ghi nhận, báo cáo, nghiệm thu hoặc công bố như dữ liệu, kết quả, quy trình, tài liệu hoặc bằng chứng có thật.

7. Giả mạo dữ liệu là việc cố ý can thiệp, sửa đổi, lược bỏ, thay thế, sắp xếp, xử lý hoặc thao túng dữ liệu, quy trình, thiết bị, tài liệu, bằng chứng hoặc kết quả làm cho hồ sơ, dữ liệu hoặc kết quả nghiên cứu không phản ánh đúng thực tế.

8. Làm sai lệch bản chất nghiên cứu là việc cố ý thay đổi, lựa chọn, lược bỏ, che giấu hoặc truyền đạt sai dữ liệu, phương pháp, bằng chứng, giới hạn hoặc kết quả nghiên cứu, làm cho sản phẩm khoa học không phản ánh trung thực quá trình hoặc kết quả nghiên cứu.

9. Gian lận về tác giả là hành vi ghi tên tác giả không đúng thực tế; loại bỏ người có đóng góp học thuật thực chất; ghi tên tác giả, đồng tác giả vì chức vụ, quan hệ quản lý, tài trợ hoặc hỗ trợ hành chính mà không có đóng góp học thuật

thực chất; thuê, nhờ hoặc đề tổ chức, cá nhân khác thực hiện sản phẩm khoa học dưới tên mình.

10. Tác giả, đồng tác giả là cá nhân có đóng góp học thuật thực chất vào một hoặc nhiều nội dung cốt lõi của nghiên cứu; tham gia xây dựng hoặc chỉnh sửa bản thảo về nội dung học thuật; phê duyệt bản cuối và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nội dung hoặc phần việc do mình phụ trách. Các đóng góp chưa đáp ứng điều kiện ghi tên tác giả phải được ghi nhận phù hợp.

11. Xung đột lợi ích là tình huống trong đó lợi ích tài chính hoặc phi tài chính, quan hệ cá nhân, gia đình, công tác, học thuật hoặc lợi ích khác có khả năng ảnh hưởng đến tính trung thực, khách quan, độc lập trong nghiên cứu, tư vấn, phản biện, đánh giá hoặc quyết định khoa học.

12. Dữ liệu nghiên cứu cần bảo vệ là dữ liệu mà việc tiết lộ, chia sẻ, truy cập, sử dụng hoặc xử lý trái quy định có thể xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, quyền sở hữu trí tuệ, điều khoản hợp đồng hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

13. Hệ thống trí tuệ nhân tạo được hiểu theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo. Sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học là việc dùng hệ thống trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ một hoặc nhiều công đoạn của quá trình nghiên cứu, đánh giá, công bố hoặc quản lý khoa học.

Điều 4. Các hành vi vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp

1. Các hành vi vi phạm liêm chính khoa học quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Ngụy tạo dữ liệu, kết quả nghiên cứu;
- b) Giả mạo dữ liệu;
- c) Đạo văn dưới mọi hình thức;
- d) Ghi tên tác giả không đúng thực tế hoặc loại bỏ tác giả có đóng góp thực sự;
- đ) Cản trở, đe dọa, ép buộc, can thiệp vào quá trình đánh giá, phản biện, xét duyệt bản thảo công bố khoa học;
- e) Các hành vi khác vi phạm nguyên tắc liêm chính khoa học quy định tại Điều 4 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP;
- g) Các hành vi vi phạm khác theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Học viện.

2. Các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Che giấu rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng;
- b) Truyền bá thông tin sai sự thật, xuyên tạc kết quả nghiên cứu;

- c) Không có sự đồng ý tự nguyện bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị tương đương của đối tượng nghiên cứu khi nghiên cứu trên người;
- d) Tiết lộ dữ liệu nhạy cảm thu thập trong nghiên cứu mà không có sự cho phép;
- đ) Sử dụng thiết bị, kinh phí, vật tư phục vụ mục đích cá nhân;
- e) Không công khai mối quan hệ tài chính, nguồn tài trợ nghiên cứu hoặc xung đột lợi ích có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, độc lập, kết quả nghiên cứu;
- g) Thử nghiệm công nghệ hoặc sản phẩm mới gây tác động tiêu cực đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên hoặc sức khỏe cộng đồng mà không có biện pháp đánh giá tác động và kiểm soát;
- h) Thực hiện nghiên cứu xâm phạm nhân phẩm, danh dự, quyền riêng tư của cá nhân, cộng đồng;
- i) Các hành vi khác vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp quy định tại Điều 5 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP;
- k) Các hành vi vi phạm khác theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Học viện.

3. Ngoài các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trong nghiên cứu khoa học thuộc phạm vi quản lý của Học viện, các hành vi sau đây cũng được xem xét là vi phạm:

- a) Tự đạo văn; công bố trùng lặp không minh bạch; thao túng trích dẫn, phản biện hoặc chỉ số khoa học;
- b) Cố ý trích dẫn, cắt xén, diễn giải sai lệch hoặc sử dụng không đúng ngữ cảnh văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc tài liệu khoa học, làm sai lệch bản chất vấn đề nghiên cứu;
- c) Cố ý lựa chọn, điều chỉnh, loại bỏ hoặc diễn giải không trung thực thông tin, dữ liệu trong điều tra xã hội học, khảo sát, nghiên cứu lý luận hoặc tư vấn chính sách nhằm hợp thức hóa nhận định, kết luận, kiến nghị có sẵn;
- d) Sử dụng trái phép thông tin, tài liệu hoặc dữ liệu thu thập được trong nghiên cứu khoa học;
- đ) Sử dụng trí tuệ nhân tạo trái quy định tại Điều 17 Quy tắc này làm ảnh hưởng đến tính trung thực, khách quan, hợp pháp hoặc khả năng kiểm chứng của sản phẩm khoa học;
- e) Lợi dụng nghiên cứu khoa học để xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật nội bộ hoặc công bố dữ liệu khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

4. Hành vi ngụy tạo dữ liệu, đạo văn, che giấu xung đột lợi ích hoặc làm sai lệch bản chất nghiên cứu là hành vi vi phạm nghiêm trọng liêm chính khoa học theo khoản 1 Điều 8 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Sai sót kỹ thuật, hạn chế chuyên môn, khác biệt về giả thuyết, phương pháp, cách giải thích dữ liệu, quan điểm khoa học hoặc kiến nghị chính sách không tự thân cấu thành hành vi vi phạm nếu không có yếu tố gian dối, che giấu, ngụy tạo, giả mạo hoặc cố ý làm sai lệch; được trình bày trên cơ sở phương pháp khoa học, luận cứ, chứng cứ rõ ràng, trích dẫn trung thực và tuân thủ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Học viện.

6. Việc xác định hành vi và mức độ vi phạm được thực hiện theo Điều 33 Quy tắc này, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và đánh giá chuyên môn có thẩm quyền.

Chương II

QUY TẮC LIÊM CHÍNH KHOA HỌC VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

Điều 5. Nguyên tắc liêm chính khoa học

Tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học thuộc phạm vi quản lý của Học viện phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Trung thực trong việc đề xuất, thực hiện, đánh giá, công bố và ứng dụng kết quả nghiên cứu.
2. Khách quan, minh bạch trong thiết kế nghiên cứu, thu thập, phân tích, xử lý, lưu trữ dữ liệu và đánh giá kết quả nghiên cứu.
3. Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; ghi nhận đầy đủ, chính xác đóng góp của tổ chức, cá nhân có liên quan.
4. Chịu trách nhiệm giải trình về quá trình, dữ liệu, kết quả và sản phẩm nghiên cứu trước tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý, cơ quan tài trợ, cộng đồng khoa học và xã hội khi được yêu cầu.
5. Tuân thủ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Học viện, hợp đồng, thỏa thuận và chuẩn mực học thuật có liên quan.
6. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo, tranh luận, phản biện khoa học theo quy định; không đồng nhất khác biệt học thuật có căn cứ với hành vi vi phạm liêm chính khoa học.

Điều 6. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp

Tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học thuộc phạm vi quản lý của Học viện phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không gây tổn hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, môi trường hoặc các giá trị nhân văn.

2. Tôn trọng, bảo đảm an toàn, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cộng đồng tham gia hoặc chịu tác động của nghiên cứu.

3. Bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư của đối tượng nghiên cứu theo quy định.

4. Không lạm dụng kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị, dữ liệu và nguồn lực nghiên cứu vào mục đích cá nhân.

5. Công khai và xử lý phù hợp xung đột lợi ích có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, độc lập hoặc kết quả nghiên cứu.

6. Tôn trọng đồng nghiệp và cộng đồng khoa học; hợp tác, trao đổi và chia sẻ tri thức có trách nhiệm.

Điều 7. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong đề xuất, tuyển chọn và giao nhiệm vụ khoa học

1. Kê khai trung thực, đầy đủ năng lực, điều kiện thực hiện, nội dung, mục tiêu, sản phẩm, tiến độ và kinh phí của nhiệm vụ.

2. Không sao chép, chiếm đoạt ý tưởng, đề xuất hoặc nội dung nghiên cứu của tổ chức, cá nhân khác.

3. Không sử dụng nhiệm vụ đã được phê duyệt, đang thực hiện hoặc đã được tài trợ để đăng ký nhiệm vụ khác có nội dung, mục tiêu, sản phẩm hoặc kinh phí trùng lặp, trừ trường hợp kế thừa, phát triển được thuyết minh rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4. Bảo mật hồ sơ, ý tưởng, dữ liệu và thông tin trong quá trình đề xuất, tuyển chọn, giao nhiệm vụ theo quy định.

5. Nhận diện, đánh giá rủi ro đối với con người, xã hội, môi trường, an ninh, an toàn dữ liệu và có biện pháp kiểm soát phù hợp.

6. Đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu lý luận chính trị, quản lý nhà nước và tư vấn chính sách phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nhu cầu nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hoặc nhiệm vụ chính trị được giao.

7. Tranh luận khoa học, phản biện chính sách, đề xuất cách tiếp cận hoặc quan điểm mới trên cơ sở phương pháp khoa học, luận cứ, chứng cứ rõ ràng, trích dẫn trung thực và thiện chí học thuật không bị coi là hành vi vi phạm.

8. Không lợi dụng danh nghĩa nghiên cứu khoa học để thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều 4 Quy tắc này.

Điều 8. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ khoa học

1. Thực hiện đúng nội dung, phương pháp, tiến độ, điều kiện và trách nhiệm đã được phê duyệt; trường hợp cần thay đổi phải báo cáo và được chấp thuận theo quy định.

2. Thu thập, phân tích, xử lý, lưu trữ và đánh giá dữ liệu trung thực, khách quan, minh bạch; bảo đảm khả năng truy xuất, kiểm chứng ở mức phù hợp với loại hình nghiên cứu.

3. Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; ghi nhận đầy đủ, chính xác đóng góp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Không sao chép kết quả của người khác hoặc tái sử dụng công trình của chính mình mà không trích dẫn, công khai và giải trình phù hợp.

5. Nhận diện, thông báo và kiểm soát rủi ro; không che giấu rủi ro có thể gây hậu quả nghiêm trọng.

6. Không truyền bá thông tin sai sự thật hoặc xuyên tạc kết quả nghiên cứu.

7. Đối với nghiên cứu trên người, phải có sự đồng ý tự nguyện, được cung cấp thông tin phù hợp, bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị tương đương; bảo đảm quyền rút khỏi nghiên cứu và tuân thủ quy định chuyên ngành có liên quan.

8. Không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, danh dự, nhân phẩm hoặc quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân, cộng đồng.

9. Không tiết lộ dữ liệu nghiên cứu cần bảo vệ; chỉ thu thập, sử dụng, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi mục đích, thẩm quyền, sự đồng ý hoặc căn cứ pháp lý phù hợp.

10. Không sử dụng kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị hoặc dữ liệu nghiên cứu vào mục đích cá nhân.

11. Tôn trọng đồng nghiệp, người tham gia nghiên cứu và cộng đồng khoa học; không quấy rối, phân biệt đối xử, ép buộc hoặc trả thù trong nghiên cứu khoa học.

12. Đối với điều tra xã hội học, khảo sát và tư vấn chính sách, phải phản ánh đúng thực tế; không lựa chọn, điều chỉnh, loại bỏ hoặc diễn giải dữ liệu nhằm hợp thức hóa nhận định, kết luận có sẵn.

13. Không can thiệp trái quy định vào việc lựa chọn phương pháp, thu thập, xử lý dữ liệu, diễn giải kết quả hoặc kết luận khoa học; không áp đặt kết luận trái với dữ liệu, chứng cứ và phương pháp khoa học.

Điều 9. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong xây dựng báo cáo và công bố khoa học

1. Báo cáo, công bố trung thực, chính xác kết quả đạt được, kết quả không đạt được, giới hạn của nghiên cứu và thông tin cần thiết để đánh giá độ tin cậy của kết quả.

2. Không đạo văn, tự đạo văn, đạo ý tưởng; tuân thủ quy định về trích dẫn, ghi nguồn, quyền tác giả và chuẩn mực học thuật.

3. Không ngụy tạo, giả mạo dữ liệu, kết quả, hình ảnh, tài liệu tham khảo hoặc bằng chứng nghiên cứu.

4. Không ghi tên tác giả không đúng thực tế, không loại bỏ tác giả có đóng góp học thuật thực chất.

5. Người được ghi tên tác giả phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 10 Điều 3 Quy tắc này. Đối với công trình có nhiều tác giả, phải xác định, lưu giữ thông tin về đóng góp của từng tác giả và người chịu trách nhiệm liên hệ khi cần thiết. Hệ thống trí tuệ nhân tạo không được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả.

6. Không cản trở, đe dọa, ép buộc hoặc can thiệp trái quy định vào quá trình đánh giá, phản biện, xét duyệt bản thảo.

7. Công bố công trình khoa học phải phù hợp với tính chất nhiệm vụ, quy định của Học viện, cơ quan tài trợ, tổ chức chủ trì, tạp chí, nhà xuất bản, hội thảo hoặc ấn phẩm có liên quan; không công bố, chia sẻ trái quy định dữ liệu, báo cáo hoặc kết quả thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật công tác, dữ liệu cá nhân hoặc nội dung hạn chế công bố.

8. Không đồng thời gửi cùng một bản thảo hoặc kết quả nghiên cứu đến nhiều tạp chí, nhà xuất bản, hội thảo, trừ trường hợp được các bên tiếp nhận đồng ý và được công khai đầy đủ; không công bố lặp lại không minh bạch; không tách nhỏ kết quả để tăng số lượng công bố khi các phần tách ra không có giá trị học thuật độc lập.

9. Tỷ lệ tương đồng, trùng lặp do công cụ kỹ thuật cung cấp chỉ là chỉ báo phục vụ đánh giá. Kết luận đạo văn, tự đạo văn hoặc công bố trùng lặp phải căn cứ vào bản chất nội dung, nguồn sử dụng, mức độ đóng góp mới, ngữ cảnh, ý thức của tác giả và đánh giá chuyên môn có thẩm quyền. Ngưỡng tham chiếu kỹ thuật đối với từng loại sản phẩm thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Học viện.

10. Ghi tên cơ quan công tác, cơ quan chủ trì, phối hợp hoặc liên kết theo đúng thực tế, thỏa thuận hợp tác và quy định có liên quan; không sử dụng tên, địa chỉ liên kết của cơ quan, tổ chức khi không có căn cứ hoặc không được phép.

11. Bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư của đối tượng nghiên cứu.

12. Không truyền bá thông tin sai sự thật, xuyên tạc kết quả nghiên cứu hoặc cố ý che giấu xung đột lợi ích, nguồn tài trợ có liên quan.

13. Tùy tính chất, mức độ vi phạm và ảnh hưởng đến độ tin cậy của công trình, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện cải chính, đính chính, bổ sung, sửa đổi, rút bài, thu hồi, hủy bỏ sản phẩm hoặc hoàn trả kinh phí theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

14. Đối với công bố quốc tế, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ yêu cầu về quyền tác giả, chia sẻ dữ liệu, xung đột lợi ích, sử dụng trí tuệ nhân tạo và chuẩn mực

liêm chính của tạp chí, nhà xuất bản, đồng thời không được trái pháp luật Việt Nam và quy định của Học viện.

Điều 10. Liêm chính khoa học trong xác lập và thực hiện quyền sở hữu trí tuệ

1. Tuân thủ pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan về quyền sở hữu trí tuệ.
2. Trung thực trong việc xác định tác giả, chủ sở hữu, nguồn gốc, tính mới, phạm vi đóng góp và các thông tin khác trong hồ sơ xác lập, chuyển giao hoặc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ.
3. Không đăng ký, chuyển giao, khai thác hoặc sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khi không có quyền hoặc chưa được chủ thể có thẩm quyền chấp thuận.
4. Tôn trọng thỏa thuận về quyền sở hữu, quyền sử dụng và phân chia lợi ích giữa tác giả, Học viện, cơ quan tài trợ, tổ chức chủ trì và các bên liên quan.

Điều 11. Liêm chính khoa học trong tư vấn, phản biện và đánh giá khoa học

1. Chỉ nhận và thực hiện tư vấn, phản biện, đánh giá trong phạm vi chuyên môn phù hợp. Đối với nội dung liên ngành, thành viên chỉ đánh giá trong phạm vi năng lực của mình; trường hợp không đủ năng lực phải báo cáo để được thay thế hoặc bổ sung chuyên gia.
2. Khai báo đầy đủ, kịp thời xung đột lợi ích; từ chối hoặc không tham gia thảo luận, chấm điểm, quyết định khi xung đột lợi ích có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, độc lập.
3. Thực hiện nhận xét, đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, có căn cứ; chịu trách nhiệm về ý kiến chuyên môn của mình.
4. Không cản trở, đe dọa, ép buộc hoặc can thiệp trái quy định vào quá trình tư vấn, phản biện, đánh giá, xét duyệt bản thảo.
5. Bảo mật hồ sơ, danh tính, ý tưởng, dữ liệu, bản thảo và thông tin được tiếp cận theo quy định.
6. Không sử dụng thông tin, ý tưởng, dữ liệu, bản thảo hoặc kết quả chưa công bố được tiếp cận trong quá trình tư vấn, phản biện, đánh giá để phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, công bố, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ hoặc lợi ích của mình hay của tổ chức, cá nhân khác.
7. Không cố ý trì hoãn, đưa ra yêu cầu không liên quan hoặc thực hiện hành vi khác nhằm gây bất lợi, tạo lợi thế không chính đáng hoặc làm sai lệch kết quả đánh giá.

Điều 12. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong ứng dụng kết quả, đề xuất khen thưởng và sử dụng nguồn lực

1. Ứng dụng, chuyển giao hoặc sử dụng kết quả nghiên cứu phải phản ánh đúng phạm vi, điều kiện, giới hạn và mức độ kiểm chứng của kết quả; không phóng đại hiệu quả hoặc che giấu rủi ro.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí, thiết bị, vật tư, cơ sở vật chất và nguồn lực nghiên cứu đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức và thẩm quyền; không sử dụng vào mục đích cá nhân.

3. Công khai nguồn tài trợ, quan hệ tài chính và xung đột lợi ích có thể ảnh hưởng đến việc ứng dụng, đánh giá hoặc đề xuất khen thưởng.

4. Không sử dụng công trình, kết quả của tập thể để dự thi, xét giải thưởng, khen thưởng hoặc xác lập thành tích khi chưa có sự đồng ý theo quy định và chưa ghi nhận đầy đủ đóng góp của các tác giả.

5. Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc quan hệ công tác để chiếm đoạt kết quả, ưu tiên không chính đáng trong ứng dụng, chuyển giao, xét giải thưởng hoặc khen thưởng.

Điều 13. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học

1. Không sử dụng trái phép kết quả, sản phẩm khoa học của tổ chức, cá nhân khác làm điều kiện đăng ký hoặc tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi học thuật, hỗ trợ nghiên cứu hoặc hoạt động nâng cao năng lực khoa học.

2. Kê khai trung thực năng lực, thành tích nghiên cứu, công bố khoa học, quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện tham gia.

3. Không giả mạo, sửa chữa hoặc sử dụng trái pháp luật văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, kết quả nghiên cứu hoặc tài liệu chứng minh năng lực.

4. Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và quyền liên quan trong đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiên cứu và chuyển giao tri thức.

5. Không lợi dụng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiên cứu hoặc hỗ trợ khoa học để chiếm đoạt kết quả, ép buộc ghi tên tác giả hoặc thực hiện hành vi trái chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

6. Giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia, người hướng dẫn và người tham gia hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học có trách nhiệm nêu gương trong việc tuân thủ Quy tắc này.

Điều 14. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong thu thập, sử dụng và quản lý dữ liệu nghiên cứu

1. Thu thập dữ liệu khách quan, đầy đủ, có căn cứ, có khả năng truy xuất, phù hợp với mục đích, phương pháp nghiên cứu và nguyên tắc giảm thiểu dữ liệu.

2. Không lựa chọn, loại bỏ, thay đổi hoặc tạo dữ liệu nhằm đạt kết quả mong muốn; mọi hoạt động làm sạch, mã hóa, hiệu chỉnh hoặc loại trừ dữ liệu phải có căn cứ và được lưu dấu vết phù hợp.

3. Ghi chép nhật ký nghiên cứu, quản lý phiên bản, lưu dấu vết chỉnh sửa đối với dữ liệu, hồ sơ cần truy xuất theo quy trình phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.

4. Đối với nhiệm vụ có thu thập, tạo lập hoặc xử lý dữ liệu cần quản lý, phải xây dựng kế hoạch quản lý dữ liệu, trong đó xác định chủ thể chịu trách nhiệm, căn cứ thu thập, phương thức lưu trữ, thời hạn lưu, quyền truy cập, chia sẻ, khai thác, sao lưu, bảo mật, ẩn danh hoặc sử dụng biện pháp bảo vệ khác.

5. Phân loại, lưu trữ, bảo mật, phân quyền truy cập, chia sẻ, chuyển giao, khai thác và tiêu hủy dữ liệu phù hợp với pháp luật về lưu trữ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin, sở hữu trí tuệ, thỏa thuận với bên cung cấp dữ liệu và quy định của Học viện.

6. Không mua dữ liệu giả; không thuê hoặc yêu cầu bên thứ ba tạo, sửa đổi dữ liệu không minh bạch; phải kiểm tra tính hợp pháp, nguồn gốc, chất lượng và điều kiện sử dụng của dữ liệu do bên thứ ba cung cấp.

7. Quyền truy cập dữ liệu không đồng nghĩa với quyền truy cập toàn bộ dữ liệu thô. Việc cung cấp dữ liệu phải căn cứ vào mục đích, thẩm quyền, phân loại bảo mật, phạm vi đồng thuận của người tham gia, quyền sở hữu, điều khoản hợp tác và nguyên tắc tối thiểu cần thiết.

Điều 15. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong trích dẫn tài liệu

1. Ưu tiên trích dẫn nguồn gốc ban đầu; trường hợp không thể tiếp cận nguồn ban đầu, việc trích dẫn nguồn thứ cấp phải được thể hiện rõ.

2. Trích dẫn chính xác nội dung, tác giả, tên tài liệu, thời điểm, địa chỉ hoặc thông tin nhận diện nguồn theo quy định; phân biệt rõ trích dẫn nguyên văn, diễn giải và ý kiến của tác giả.

3. Không trích dẫn sai ngữ cảnh hoặc làm sai lệch quan điểm, kết quả của nguồn được trích dẫn.

4. Không cố ý bỏ qua tài liệu, dữ liệu hoặc kết quả nghiên cứu quan trọng, có liên quan hoặc có quan điểm khác biệt nhằm làm sai lệch bản chất vấn đề.

5. Tài liệu trong danh mục tài liệu tham khảo phải thực sự được sử dụng, có liên quan đến nội dung nghiên cứu và được kiểm tra thông tin ở mức cần thiết.

6. Không ép buộc tác giả trích dẫn tài liệu không cần thiết, không liên quan hoặc nhằm phục vụ lợi ích cá nhân, tổ chức.

7. Không tham gia thao túng trích dẫn, bao gồm việc cố ý làm sai lệch, thổi phồng hoặc sử dụng không đúng quy tắc nguồn tài liệu tham khảo để tác động đến chỉ số khoa học.

Điều 16. Liêm chính khoa học trong hoạt động xuất bản

Tạp chí khoa học, nhà xuất bản và đơn vị có chức năng biên tập, xuất bản, phát hành thuộc Học viện có trách nhiệm:

1. Xây dựng, công khai và thực hiện quy trình tiếp nhận, phản biện, biên tập, thẩm định, công bố, xuất bản, cải chính, rút bài, thu hồi và xử lý vi phạm phù hợp với pháp luật và quy định của Học viện.
2. Quản lý xung đột lợi ích của biên tập viên, phản biện, thành viên hội đồng và người tham gia quá trình xuất bản.
3. Lưu trữ hồ sơ phản biện, biên tập, thẩm định và quyết định công bố, xuất bản, bảo đảm khả năng truy xuất theo quy định.
4. Có cơ chế tiếp nhận, giải quyết phản ánh, khiếu nại; thông tin cho cơ quan tài trợ, tổ chức chủ trì và bên liên quan sau khi có kết luận đề phối hợp cải chính, rút bài, thu hồi hoặc xử lý.
5. Không thao túng trích dẫn, phản biện hoặc quy trình biên tập nhằm làm sai lệch giá trị khoa học hoặc nâng cao chỉ số đánh giá không phù hợp.
6. Bảo đảm tính trung thực, khách quan trong biên tập, thẩm định, phản biện và xuất bản sách, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, kỷ yếu hội thảo và sản phẩm khoa học khác.
7. Khi có căn cứ ban đầu về dấu hiệu vi phạm, được tạm dừng quy trình biên tập, xuất bản hoặc phát hành trong phạm vi thẩm quyền để bảo toàn hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét. Biện pháp tạm dừng không phải là kết luận vi phạm và phải được áp dụng trong thời hạn hợp lý, bảo đảm quyền giải trình của tác giả.
8. Thực hiện cải chính, đính chính, rút bài, thu hồi hoặc xử lý ấn phẩm sau khi có kết luận chính thức hoặc theo quy định chuyên ngành và đúng thẩm quyền.

Điều 17. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp khi sử dụng trí tuệ nhân tạo

1. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học phải tuân thủ pháp luật về trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu, sở hữu trí tuệ, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định có liên quan; bảo đảm sự kiểm soát, khả năng can thiệp và trách nhiệm của con người.
2. Trí tuệ nhân tạo được sử dụng như công cụ hỗ trợ tra cứu, dịch thuật, biên tập ngôn ngữ, gợi ý cấu trúc, xử lý, thống kê, trực quan hóa dữ liệu, kiểm tra tài liệu tham khảo, phát hiện trùng lặp hoặc hoạt động kỹ thuật khác, nhưng đầu ra phải được con người kiểm chứng và chịu trách nhiệm.
3. Không sử dụng trí tuệ nhân tạo để ngụy tạo dữ liệu, hình ảnh, tài liệu tham khảo, trích dẫn, bằng chứng hoặc nguồn tin. Trường hợp sử dụng dữ liệu, hình ảnh

hoặc mô phỏng tổng hợp như một phần của phương pháp nghiên cứu, phải khai báo cách tạo lập, mục đích, giới hạn và biện pháp kiểm chứng.

4. Không sử dụng thông tin, số liệu, trích dẫn hoặc tài liệu do trí tuệ nhân tạo tạo ra làm căn cứ nghiên cứu khi chưa được đối chiếu với nguồn có thật, có thể kiểm chứng.

5. Không trình bày đầu ra của trí tuệ nhân tạo như kết quả do tác giả tự quan sát, thu thập, phân tích hoặc chứng minh nếu chưa có đóng góp học thuật thực chất và căn cứ độc lập. Trí tuệ nhân tạo không được thay thế thẩm quyền chuyên môn, không được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả.

6. Khi trí tuệ nhân tạo có ảnh hưởng đáng kể đến nội dung hoặc phương pháp nghiên cứu, tác giả phải khai báo tại vị trí phù hợp trong sản phẩm, tối thiểu gồm tên công cụ hoặc mô hình, phiên bản hoặc thời điểm sử dụng, mục đích, phạm vi nội dung được hỗ trợ và cách kiểm chứng. Có thể không phải khai báo đối với chức năng kiểm tra chính tả, định dạng hoặc kỹ thuật thông thường không làm thay đổi nội dung học thuật, trừ khi quy định của nơi tiếp nhận yêu cầu khác.

7. Không đưa bí mật nhà nước, tài liệu có độ mật, bí mật công tác, dữ liệu cá nhân, dữ liệu nghiên cứu cần bảo vệ, bản thảo, hồ sơ phản biện hoặc dữ liệu chưa công bố lên nền tảng trí tuệ nhân tạo công cộng hay dịch vụ bên ngoài khi chưa có căn cứ pháp lý, thẩm quyền và biện pháp bảo vệ phù hợp. Chỉ sử dụng công cụ, nền tảng được Học viện cho phép đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Học viện.

8. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo không làm giảm hoặc loại trừ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về tính chính xác, trung thực, khách quan, hợp pháp của nội dung, dữ liệu, kết quả và sản phẩm. Kết quả của công cụ phát hiện nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo ra không được coi là chứng cứ duy nhất để kết luận vi phạm.

9. Khi trí tuệ nhân tạo có đóng góp đáng kể vào phân tích, xử lý dữ liệu hoặc tạo lập nội dung, tổ chức, cá nhân phải lưu giữ bằng chứng cần thiết về việc sử dụng ở mức phù hợp để phục vụ giải trình, tái kiểm tra; việc lưu giữ phải tuân thủ quy định về bảo mật, bảo vệ dữ liệu và điều khoản sử dụng của công cụ.

10. Phản biện viên, thành viên hội đồng, biên tập viên và người được giao thẩm định, đánh giá không được tải hồ sơ, bản thảo, dữ liệu chưa công bố hoặc nội dung cần bảo vệ lên công cụ trí tuệ nhân tạo bên ngoài khi chưa được phép. Trường hợp sử dụng công cụ được phê duyệt để hỗ trợ, phải bảo đảm bảo mật, khai báo theo yêu cầu và tự chịu trách nhiệm về nhận xét, đánh giá của mình.

Điều 18. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong hợp tác học thuật và hợp tác quốc tế

1. Trước khi thực hiện hợp tác, các bên phải xác định rõ quyền tác giả, đồng tác giả; quyền sở hữu, quản lý, khai thác, chia sẻ, chuyển giao dữ liệu; quyền công

bổ; quyền sở hữu trí tuệ; kinh phí; bảo mật; trách nhiệm khi phát sinh vi phạm và cơ chế giải quyết tranh chấp.

2. Việc sử dụng, chia sẻ, chuyển giao hoặc lưu trữ dữ liệu với đối tác trong nước, nước ngoài phải bảo đảm tính hợp pháp của dữ liệu, tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thỏa thuận hợp tác và quy định của Học viện.

3. Đối với nhiệm vụ sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài, các bên tuân thủ yêu cầu về liêm chính khoa học, đạo đức nghiên cứu, quản lý tài chính và công bố theo thỏa thuận tài trợ nếu không trái pháp luật Việt Nam và quy định của Học viện.

4. Công bố quốc tế trong khuôn khổ hợp tác phải tuân thủ quy định về tác giả, dữ liệu, xung đột lợi ích, trí tuệ nhân tạo và sở hữu trí tuệ; không sử dụng tên Học viện hoặc đơn vị trực thuộc trái thẩm quyền.

5. Việc tạm dừng, chấm dứt hoặc xử lý hợp tác khi có vi phạm nghiêm trọng do người có thẩm quyền quyết định trên cơ sở pháp luật, điều ước quốc tế, hợp đồng, thỏa thuận và quy định của Học viện.

Chương III

PHÒNG NGỪA, TIẾP NHẬN, XÁC MINH, KẾT LUẬN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Mục 1. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Điều 19. Các biện pháp phòng ngừa

1. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn tuân thủ Quy tắc trước và trong quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học.

2. Tổ chức tập huấn định kỳ hằng thực hiện nghiên cứu khoa học.năm và tại các thời điểm cần thiết về liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ, quản lý dữ liệu, công bố khoa học và sử dụng trí tuệ nhân tạo.

3. Yêu cầu chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên chính và cá nhân tham gia nhiệm vụ ký cam kết tuân thủ liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp theo mẫu thống nhất của Học viện.

4. Lồng ghép yêu cầu về liêm chính khoa học trong thông báo, hồ sơ đề xuất, hợp đồng, thuyết minh, biên bản hội đồng, báo cáo tiến độ, nghiệm thu, công bố, xuất bản và hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học.

5. Lưu giữ dữ liệu gốc, nhật ký nghiên cứu, phiên bản thảo thảo, hồ sơ đồng thuận và tài liệu cần thiết để kiểm chứng quá trình nghiên cứu theo Điều 20 Quy tắc này.

6. Rà soát trích dẫn, quyền tác giả, xung đột lợi ích, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện kiểm tra tương đồng, trùng lặp trước khi nghiệm thu, công bố,

xuất bản đối với sản phẩm thuộc diện phải kiểm tra. Kết quả công cụ là chỉ báo kỹ thuật, không thay thế đánh giá chuyên môn.

7. Khai nguồn tài trợ, xung đột lợi ích, đóng góp của tác giả, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ biên tập, viết bài và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo theo quy định.

8. Thực hiện kiểm tra theo rủi ro đối với dữ liệu, quy trình, công bố quan trọng; theo dõi việc cải chính, rút, gỡ, thu hồi bài báo, ấn phẩm và kịp thời áp dụng biện pháp khắc phục.

9. Việc đánh giá kết quả thực hiện Quy tắc phải căn cứ vào chất lượng phòng ngừa, tập huấn, quản lý dữ liệu, phản biện, xử lý vụ việc và khắc phục hậu quả; không lấy số lượng phản ánh thấp hoặc không có phản ánh làm chỉ tiêu duy nhất về thành tích.

Điều 20. Lưu trữ và quản lý hồ sơ, dữ liệu nghiên cứu

1. Hồ sơ nghiên cứu phải được lập, lưu trữ đầy đủ, trung thực, có khả năng truy xuất, kiểm chứng và đối chiếu.

2. Hồ sơ nghiên cứu bao gồm: hồ sơ đề xuất, tuyển chọn, giao nhiệm vụ; thuyết minh, hợp đồng, báo cáo tiến độ, báo cáo tổng hợp và sản phẩm; dữ liệu gốc, dữ liệu thô, dữ liệu đã xử lý, phiếu khảo sát, bảng hỏi, tài liệu phỏng vấn, biên bản làm việc, nhật ký nghiên cứu; hồ sơ phản biện, đánh giá, nghiệm thu; hồ sơ công bố, xuất bản, xác lập quyền sở hữu trí tuệ; nhật ký hệ thống và tài liệu khác hình thành trong quá trình nghiên cứu.

3. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo pháp luật về lưu trữ, danh mục hồ sơ, quy định đối với nhiệm vụ khoa học, hợp đồng, thỏa thuận và quy định của Học viện; không được ngắn hơn thời hạn cần thiết để phục vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xác lập hoặc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và yêu cầu pháp lý khác. Trường hợp chưa có thời hạn cụ thể, thời hạn phải được xác định trong kế hoạch quản lý dữ liệu hoặc hồ sơ nhiệm vụ và được người có thẩm quyền chấp thuận.

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ, trưởng nhóm nghiên cứu và đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, phân loại, bàn giao, quản lý quyền truy cập đối với hồ sơ, dữ liệu thuộc phạm vi phụ trách; không được tự ý tiêu hủy, chuyển giao hoặc làm mất khả năng truy xuất.

5. Dữ liệu điện tử thuộc quyền quản lý của Học viện phải được lưu trữ hoặc sao lưu trên hệ thống được Học viện cho phép, theo phân loại và mức độ truy cập; áp dụng biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn, xác thực, lưu vết truy cập và chỉnh sửa. Đối với dữ liệu không được phép sao chép do thỏa thuận, giấy phép hoặc yêu cầu bảo mật, phải lưu thông tin nhận diện, căn cứ sử dụng và phương thức truy xuất hợp pháp.

6. Việc khai thác, sử dụng, chia sẻ, chuyển giao, ẩn danh, xóa hoặc tiêu hủy hồ sơ, dữ liệu phải đúng mục đích, thẩm quyền, thời hạn và tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin, sở hữu trí tuệ, phạm vi đồng thuận của người tham gia và thỏa thuận với bên cung cấp dữ liệu.

Điều 21. Khai báo và kiểm soát xung đột lợi ích

1. Tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, xét duyệt, tư vấn, phản biện, đánh giá, nghiệm thu, công bố, xuất bản hoặc quyết định khoa học phải chủ động khai báo đầy đủ, trung thực, kịp thời xung đột lợi ích trước khi thực hiện nhiệm vụ và ngay khi phát sinh.

2. Xung đột lợi ích có thể phát sinh từ lợi ích tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp; quyền sở hữu trí tuệ, cổ phần, hợp đồng tư vấn, dịch vụ; quan hệ gia đình, thầy trò, cấp trên - cấp dưới, đồng tác giả hoặc hợp tác học thuật; cạnh tranh nghề nghiệp và lợi ích phi tài chính khác có khả năng ảnh hưởng đến nhận định chuyên môn.

3. Người có xung đột lợi ích phải từ chối hoặc rút khỏi việc thảo luận, chấm điểm, phản biện, đánh giá, quyết định nếu xung đột không thể kiểm soát. Trường hợp xung đột có thể kiểm soát, người có thẩm quyền quyết định biện pháp công khai, giám sát, giới hạn phạm vi tham gia hoặc biện pháp phù hợp khác và phải lưu hồ sơ.

4. Việc khai báo, xem xét và xử lý xung đột lợi ích thực hiện theo mẫu, danh mục kiểm tra và hướng dẫn thống nhất của Học viện.

Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ

Điều 22. Trách nhiệm của cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học

1. Tuân thủ Quy tắc này, quy định chuyên ngành, hợp đồng, thỏa thuận và chuẩn mực học thuật có liên quan.

2. Lập, lưu giữ và cung cấp trung thực hồ sơ, dữ liệu gốc, nhật ký nghiên cứu, phiên bản thảo và tài liệu chứng minh quá trình nghiên cứu khi có yêu cầu hợp pháp.

3. Chỉ ghi tên tác giả đối với người có đóng góp học thuật thực chất; ghi nhận phù hợp các đóng góp chưa đủ điều kiện là tác giả.

4. Khai báo xung đột lợi ích, nguồn tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ biên tập, viết bài và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo.

5. Bảo vệ đối tượng nghiên cứu; thực hiện việc lấy, lưu giữ và tôn trọng phạm vi đồng thuận tham gia nghiên cứu khi pháp luật hoặc chuẩn mực đạo đức yêu cầu.

6. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của phần việc và sản phẩm do mình thực hiện; hợp tác trong kiểm tra, xác minh và khắc phục hậu quả.

7. Khi tự phát hiện sai sót hoặc hành vi vi phạm, phải kịp thời chấm dứt, bảo toàn hồ sơ, chủ động báo cáo và thực hiện biện pháp cải chính, đính chính, bổ sung, thu hồi hoặc khắc phục phù hợp.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và trưởng nhóm nghiên cứu

1. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ Quy tắc trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

2. Xác định rõ vai trò, phần việc, trách nhiệm về dữ liệu, tác giả, bảo mật, công bố và bàn giao hồ sơ của từng thành viên ngay từ khi triển khai nhiệm vụ và cập nhật khi có thay đổi.

3. Tổ chức lập, lưu trữ, bàn giao dữ liệu gốc, dữ liệu đã xử lý, nhật ký nghiên cứu, hồ sơ đồng thuận, phiên bản thảo và tài liệu có liên quan.

4. Thực hiện rà soát nội bộ về dữ liệu, tác giả, trích dẫn, đồng thuận, xung đột lợi ích, sử dụng trí tuệ nhân tạo, bảo mật và khả năng truy xuất của hồ sơ.

5. Áp dụng biện pháp phòng ngừa; kịp thời tiếp nhận, bảo toàn thông tin, xử lý ban đầu và báo cáo khi có dấu hiệu vi phạm.

6. Không cản trở, định hướng hoặc can thiệp trái quy định vào tư vấn, phản biện, xét duyệt, đánh giá nhiệm vụ do mình quản lý hoặc thực hiện.

7. Chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, khắc phục trong phạm vi thẩm quyền; không tự kết luận cá nhân, tổ chức vi phạm khi chưa có căn cứ và thẩm quyền.

8. Việc giao một thành viên phụ trách dữ liệu, công bố hoặc đầu mối liên chính không làm thay đổi trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ, trưởng nhóm và đơn vị chủ trì.

Điều 24. Trách nhiệm của Vụ Quản lý khoa học

1. Là đầu mối tham mưu Giám đốc Học viện ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện quy định về liên chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp.

2. Chủ trì tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy tắc trong toàn Học viện.

3. Tiếp nhận, phân loại, tổng hợp và xử lý ban đầu thông tin, phản ánh, kiến nghị về dấu hiệu vi phạm thuộc phạm vi chuyên môn khoa học; chuyển hoặc phối hợp xử lý nội dung thuộc thẩm quyền của đơn vị khác.

4. Tham mưu tổ chức xác minh sơ bộ; thành lập Hội đồng tư vấn, Tổ xác minh hoặc mời chuyên gia theo Điều 32 Quy tắc này; bảo đảm người tham gia xác minh có chuyên môn phù hợp, độc lập và không có xung đột lợi ích.

5. Chủ trì tổng hợp đánh giá chuyên môn về đạo văn, tự đạo văn, dữ liệu, tác giả, sử dụng trí tuệ nhân tạo và dấu hiệu vi phạm khác trên cơ sở ý kiến của Hội

đồng tư vấn, Tổ xác minh, chuyên gia và bằng chứng kỹ thuật; tham mưu ban hành kết luận, biện pháp xử lý, khắc phục.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc lập kế hoạch, lưu trữ, quản lý, khai thác và bảo vệ dữ liệu nghiên cứu; phối hợp xây dựng biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất và an toàn dữ liệu.

7. Tham mưu ban hành hoặc hướng dẫn thống nhất về trích dẫn, tài liệu tham khảo, kiểm tra tương đồng, trùng lặp và ngưỡng tham chiếu kỹ thuật phù hợp với từng loại sản phẩm khoa học.

8. Hướng dẫn, theo dõi việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học; phối hợp cảnh báo và tham mưu xử lý việc sử dụng trái quy định.

9. Chủ trì xác định nội dung phải cập nhật, báo cáo về vi phạm; phối hợp với Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số thực hiện cập nhật trên nền tảng số quốc gia đúng thời hạn.

10. Bảo mật thông tin về người phản ánh, tố cáo, người bị xem xét và vụ việc theo quy định; tham mưu biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin.

11. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Quy tắc; theo dõi việc khắc phục sau kết luận.

12. Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc Học viện và quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số

1. Xây dựng, vận hành và bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số phục vụ quản lý nghiên cứu khoa học của Học viện.

2. Vận hành công cụ kỹ thuật; đo tỷ lệ tương đồng, trùng lặp; cung cấp báo cáo, dữ liệu, nhật ký hệ thống và bằng chứng điện tử cho Vụ Quản lý khoa học. Kết quả kỹ thuật không thay thế kết luận chuyên môn về đạo văn, tự đạo văn, sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc vi phạm liên chính khoa học.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trong lưu trữ, sao lưu, phân quyền, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu nghiên cứu trên hệ thống của Học viện; bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất, lưu vết và an toàn dữ liệu.

4. Bảo toàn nhật ký, siêu dữ liệu và bằng chứng điện tử phục vụ kiểm tra, xác minh; ghi nhận việc thu thập, sao chép, bản giao và truy cập để bảo đảm khả năng kiểm chứng.

5. Nghiên cứu, đề xuất, triển khai giải pháp công nghệ phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ xử lý vi phạm; quản lý danh mục công cụ, nền tảng trí tuệ nhân tạo được Học viện cho phép.

6. Phối hợp với Vụ Quản lý khoa học thực hiện việc cập nhật thông tin vi phạm lên nền tảng số quốc gia và quản lý dữ liệu báo cáo theo quy định.

7. Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc Học viện.

Điều 26. Trách nhiệm của tạp chí khoa học, nhà xuất bản và đơn vị xuất bản thuộc Học viện

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 16 Quy tắc này; cụ thể hóa quy trình phù hợp với loại hình xuất bản và công khai cho tác giả, phản biện, biên tập viên.

2. Rà soát bản thảo, tài liệu tham khảo, trích dẫn, quyền tác giả, xung đột lợi ích và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trước khi công bố, xuất bản theo phạm vi trách nhiệm.

3. Quản lý, lưu trữ hồ sơ phản biện, biên tập, thẩm định, quyết định công bố, xuất bản và dữ liệu liên quan; phối hợp lưu trữ điện tử trên hệ thống được Học viện cho phép theo phân loại.

4. Kịp thời tiếp nhận, sàng lọc, tạm dừng quy trình khi có căn cứ ban đầu và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét dấu hiệu vi phạm; không công khai hoặc coi tác giả vi phạm khi chưa có kết luận.

5. Thực hiện cải chính, đính chính, rút bài, thu hồi, thông báo cho cơ sở dữ liệu, đơn vị lập chỉ mục hoặc xử lý ấn phẩm sau khi có kết luận chính thức và đúng thẩm quyền.

6. Cung cấp hồ sơ, dữ liệu, thông tin và phối hợp với Vụ Quản lý khoa học, Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số, cơ quan tài trợ, tổ chức chủ trì trong xác minh, kết luận và khắc phục.

Điều 27. Trách nhiệm của thành viên hội đồng, chuyên gia tư vấn, phản biện và đánh giá

1. Tư vấn, phản biện, đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, đúng chuyên môn; nêu rõ căn cứ của ý kiến và chịu trách nhiệm về nhận xét của mình.

2. Khai báo xung đột lợi ích; từ chối hoặc rút khỏi nhiệm vụ khi chuyên môn không phù hợp hoặc xung đột lợi ích không thể kiểm soát.

3. Bảo mật hồ sơ, dữ liệu, bản thảo, ý tưởng và thông tin được tiếp cận; không tải nội dung cần bảo vệ lên công cụ trí tuệ nhân tạo bên ngoài khi chưa được phép.

4. Không sử dụng thông tin, dữ liệu, kết quả chưa công bố cho nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ hoặc mục đích riêng.

5. Không cản trở, định hướng, can thiệp trái quy định hoặc cố ý trì hoãn hoạt động tư vấn, phản biện, xét duyệt, đánh giá.

6. Kịp thời báo cáo dấu hiệu vi phạm, bảo toàn tài liệu thuộc phạm vi mình quản lý và phối hợp xác minh theo yêu cầu hợp pháp.

7. Không tự công bố thông tin vụ việc hoặc kết luận tổ chức, cá nhân vi phạm khi chưa có thẩm quyền.

Điều 28. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt, thực hiện và kiểm tra việc tuân thủ Quy tắc trong phạm vi quản lý.

2. Phân công đầu mối; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy trình, biểu mẫu, hướng dẫn cần thiết theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Thiết lập cơ chế rà soát nội bộ đối với dữ liệu, tác giả, trích dẫn, đồng thuận, xung đột lợi ích, sử dụng trí tuệ nhân tạo, bảo mật và lưu trữ hồ sơ.

4. Không cản trở, định hướng hoặc can thiệp trái quy định vào tư vấn, phản biện, xét duyệt, đánh giá nhiệm vụ khoa học.

5. Kịp thời tiếp nhận, bảo toàn hồ sơ, chỉ đạo xử lý ban đầu và báo cáo Vụ Quản lý khoa học khi có thông tin về dấu hiệu vi phạm; chỉ xác minh, kết luận hoặc xử lý trong phạm vi thẩm quyền được giao.

6. Bảo đảm quyền giải trình, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo vệ người cung cấp thông tin, không để xảy ra trù dập, gây áp lực, phân biệt đối xử hoặc trả thù.

7. Chỉ đạo thực hiện biện pháp ngăn chặn, khắc phục và xử lý trong phạm vi thẩm quyền; theo dõi việc thực hiện kết luận.

8. Đối với Học viện trực thuộc, phân công bộ phận quản lý khoa học và các bộ phận liên quan phối hợp triển khai, tổng hợp, báo cáo thống nhất qua Vụ Quản lý khoa học.

9. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện về việc tổ chức thực hiện Quy tắc trong phạm vi quản lý.

Điều 29. Trách nhiệm của Vụ Hợp tác quốc tế

1. Phối hợp với Vụ Quản lý khoa học hướng dẫn thực hiện Quy tắc trong hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học.

2. Rà soát nội dung về quyền sở hữu trí tuệ, quản lý dữ liệu, công bố, chia sẻ kết quả, sử dụng trí tuệ nhân tạo, bảo mật và xử lý vi phạm trong thỏa thuận hợp tác quốc tế.

3. Chủ trì, phối hợp tham mưu xử lý vấn đề liên chính khoa học có yếu tố nước ngoài theo chức năng; trao đổi, phổ biến thông lệ quốc tế phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của Học viện.

Điều 30. Trách nhiệm của các đơn vị chức năng có liên quan

1. Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp tham mưu xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi có kết luận có thẩm

quyền; bảo đảm trình tự, thẩm quyền và không thay thế đánh giá chuyên môn về liên chính khoa học.

2. Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và cơ sở đào tạo phối hợp xử lý vụ việc liên quan đến luận án, luận văn, khóa luận, bài tập, sản phẩm đào tạo và người học; tham mưu biện pháp học vụ, văn bằng, chứng chỉ theo quy định và đúng thẩm quyền.

3. Ban Thanh tra tiếp nhận, phân loại, tham mưu xử lý khiếu nại, tố cáo; thực hiện thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp xác minh theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp xác định, tham mưu xử lý kinh phí, tài sản, nghĩa vụ hoàn trả, thu hồi và vi phạm tài chính có liên quan.

5. Văn phòng Học viện phối hợp về công tác văn thư, lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cung cấp và bảo quản hồ sơ theo chức năng, nhiệm vụ.

6. Viện Thông tin khoa học phối hợp hướng dẫn khai thác, sử dụng, chuẩn hóa thông tin, tư liệu, nguồn tham khảo và bảo đảm độ tin cậy của tài liệu khoa học.

Mục 3. TIẾP NHẬN, XÁC MINH, KẾT LUẬN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Tiếp nhận và xử lý ban đầu thông tin về dấu hiệu vi phạm

1. Thông tin về dấu hiệu vi phạm được tiếp nhận từ phản ánh, kiến nghị, tố cáo, khiếu nại; văn bản của cơ quan, tổ chức; kết quả kiểm tra, giám sát; thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp; dữ liệu, công bố, quyết định rút bài hoặc nguồn hợp pháp khác.

2. Vụ Quản lý khoa học là đầu mối tiếp nhận thông tin thuộc phạm vi chuyên môn khoa học. Đơn khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, phân loại và xử lý theo pháp luật về khiếu nại, tố cáo, quy định của Đảng và quy định của Học viện; Ban Thanh tra chủ trì hoặc phối hợp theo chức năng. Nội dung không thuộc thẩm quyền phải được chuyển đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền và thông báo cho người gửi theo quy định.

3. Thông tin không ghi rõ họ tên, địa chỉ của người cung cấp không được xử lý theo thủ tục tố cáo; nếu nội dung rõ ràng, có tài liệu, chứng cứ cụ thể và có cơ sở kiểm chứng thì có thể được sử dụng làm nguồn để kiểm tra, xác minh theo thẩm quyền.

4. Đơn vị, cá nhân tiếp nhận phải đăng ký, bảo quản, chuyển giao thông tin đúng đầu mối; không tự ý phát tán, sửa đổi hoặc tiêu hủy tài liệu, dữ liệu có liên quan.

5. Việc tiếp nhận, sàng lọc và xử lý ban đầu phải khách quan, đúng thẩm quyền, bảo mật thông tin, tránh xung đột lợi ích và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

6. Thông tin về người cung cấp, người bị phản ánh và vụ việc phải được bảo vệ theo quy định. Việc cung cấp thông tin cho người bị xem xét, Hội đồng tư vấn,

Tổ xác minh, chuyên gia hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ thực hiện trong phạm vi cần thiết để giải trình, xác minh và bảo vệ quyền hợp pháp.

7. Nghiêm cấm trù dập, phân biệt đối xử, gây bất lợi, gây áp lực hoặc trả đũa người cung cấp thông tin thiện chí. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức biện pháp phòng ngừa và xử lý hành vi trả đũa trong phạm vi quản lý.

Điều 32. Xác minh và kết luận về hành vi vi phạm

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ thông tin ban đầu, Vụ Quản lý khoa học tham mưu Giám đốc Học viện tổ chức xác minh sơ bộ. Trường hợp phức tạp, có thể gia hạn một lần không quá 15 ngày làm việc và phải báo cáo lý do gia hạn.

2. Kết quả xác minh sơ bộ phải đề xuất một trong các hướng: không xem xét tiếp do không thuộc phạm vi hoặc không có căn cứ ban đầu; yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu; chuyển cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; hoặc tiến hành xác minh chính thức.

3. Khi có căn cứ tiến hành xác minh chính thức, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo xác minh sơ bộ, Giám đốc Học viện quyết định thành lập Hội đồng tư vấn gồm các cá nhân có chuyên môn phù hợp, độc lập với vụ việc. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện thành lập Tổ xác minh hoặc mời chuyên gia để thu thập, kiểm tra, phân tích tài liệu và hỗ trợ Hội đồng tư vấn; Tổ xác minh không thay thế Hội đồng tư vấn trong việc đánh giá, xác định hành vi vi phạm.

4. Thành viên Hội đồng tư vấn, Tổ xác minh, chuyên gia phải khai báo xung đột lợi ích, bảo mật thông tin và từ chối tham gia khi không bảo đảm tính độc lập, khách quan. Người thuộc đơn vị có liên quan trực tiếp không tham gia nếu có khả năng ảnh hưởng đến kết quả xác minh.

5. Hội đồng tư vấn hoàn thành báo cáo trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày được thành lập. Trường hợp phức tạp, Giám đốc Học viện có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc trên cơ sở đề nghị bằng văn bản, nêu rõ lý do.

6. Quá trình xác minh phải dựa trên tài liệu, dữ liệu, chứng cứ hợp pháp, có thể kiểm chứng; bảo đảm khách quan, công bằng, bảo mật, tính toàn vẹn của bằng chứng và quyền của các bên. Kết quả của công cụ kỹ thuật không được sử dụng làm chứng cứ duy nhất để kết luận.

7. Tổ chức, cá nhân bị xem xét có quyền được biết nội dung cần thiết để giải trình; cung cấp tài liệu, đề nghị xem xét chứng cứ, mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định; được bảo vệ danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp và thực hiện quyền khiếu nại. Việc thực hiện các quyền này phải tuân thủ yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, người cung cấp thông tin và dữ liệu cần bảo vệ.

8. Trong quá trình xác minh, Giám đốc Học viện hoặc người có thẩm quyền có thể quyết định biện pháp tạm thời cần thiết, tương xứng để bảo toàn dữ liệu, chứng cứ, ngăn ngừa hậu quả hoặc tạm dừng công bố, nghiệm thu, giải ngân. Biện pháp tạm thời không phải là hình thức xử lý, không được coi là kết luận vi phạm và phải được rà soát, chấm dứt khi không còn cần thiết.

9. Báo cáo xác minh phải nêu rõ nội dung vụ việc; phạm vi, phương pháp và quá trình xác minh; tài liệu, chứng cứ đã xem xét; ý kiến giải trình; đánh giá chuyên môn; kết quả xác định có hoặc không có hành vi vi phạm; mức độ ảnh hưởng; kiến nghị biện pháp xử lý, khắc phục và cập nhật thông tin nếu thuộc trường hợp phải cập nhật.

10. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ báo cáo, Giám đốc Học viện xem xét, ban hành kết luận bằng văn bản hoặc quyết định xử lý theo thẩm quyền; trường hợp cần làm rõ, có thể yêu cầu xác minh bổ sung và phải thông báo phạm vi, thời hạn bổ sung. Vụ việc vượt thẩm quyền phải được chuyển, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

11. Không coi tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm là vi phạm nếu chưa có chứng cứ rõ ràng và kết luận của người có thẩm quyền. Nếu kết luận không có vi phạm, phải chấm dứt biện pháp tạm thời, điều chỉnh hoặc cải chính thông tin đã phát sinh và thực hiện biện pháp cần thiết để bảo vệ, phục hồi danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp theo mức độ ảnh hưởng.

12. Việc khiếu nại, kiến nghị, phản ánh đối với quá trình xem xét, kết luận, quyết định xử lý được thực hiện theo pháp luật và quy định của Học viện; việc khiếu nại không làm đình chỉ thi hành kết luận, quyết định, trừ trường hợp pháp luật hoặc người có thẩm quyền quyết định khác.

Điều 33. Nguyên tắc và biện pháp xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả và thẩm quyền quản lý, bị áp dụng biện pháp học thuật, biện pháp quản lý khoa học, xử lý kỷ luật, xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hợp đồng, thỏa thuận và quy định của Học viện.

2. Việc xác định mức độ vi phạm căn cứ vào lỗi cố ý hoặc vô ý, động cơ, phương thức, thời gian, số lần, hậu quả, phạm vi ảnh hưởng, vị trí và trách nhiệm của người vi phạm, thái độ hợp tác, khả năng khắc phục, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đánh giá chuyên môn. Các hành vi quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy tắc này phải được xác định là vi phạm nghiêm trọng theo luật.

3. Sai sót kỹ thuật, hạn chế chuyên môn hoặc sơ suất học thuật không có yếu tố gian dối không bị áp dụng biện pháp xử lý như hành vi vi phạm, nhưng tổ chức,

cá nhân vẫn phải cải chính, đính chính, bổ sung, sửa đổi, thu hồi hoặc khắc phục ảnh hưởng theo yêu cầu.

4. Biện pháp xử lý, khắc phục có thể bao gồm:

- a) Nhắc nhở, phê bình hoặc cảnh cáo bằng văn bản;
- b) Yêu cầu giải trình, cải chính, đính chính, bổ sung thông tin, xin lỗi công khai theo phạm vi phù hợp;
- c) Yêu cầu sửa đổi, rút bài, thu hồi, hủy bỏ kết quả, sản phẩm khoa học, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng hoặc ấn phẩm có liên quan;
- d) Tạm dừng thực hiện; dừng giao chủ trì, tham gia nhiệm vụ đang thực hiện; không giao chủ trì hoặc tham gia nhiệm vụ trong thời hạn xác định;
- đ) Sửa đổi, hủy bỏ kết quả đánh giá, nghiệm thu, công nhận, khen thưởng hoặc quyền lợi hình thành từ kết quả vi phạm;
- e) Thu hồi hoặc kiến nghị thu hồi kinh phí, giải thưởng, danh hiệu, văn bằng, chứng chỉ hoặc quyền lợi có liên quan theo quy định;
- g) Xử lý trách nhiệm, xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật và quy định của Học viện;
- h) Chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự hoặc trách nhiệm khác theo quy định.

5. Biện pháp học thuật và quản lý khoa học do Giám đốc Học viện hoặc người được phân cấp, ủy quyền quyết định. Xử lý kỷ luật, thu hồi kinh phí, danh hiệu, văn bằng, chứng chỉ và biện pháp thuộc lĩnh vực khác phải thực hiện theo đúng căn cứ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền tương ứng; kết luận về liêm chính khoa học là căn cứ xem xét, không thay thế thủ tục chuyên ngành.

6. Thời hiệu xem xét, chế tài cụ thể và thời gian áp dụng biện pháp phải được xác định trong kết luận hoặc quyết định xử lý theo quy định của pháp luật. Việc hết thời hiệu xử lý kỷ luật không loại trừ yêu cầu cải chính, đính chính, rút bài, thu hồi sản phẩm, hoàn trả kinh phí hoặc khắc phục hậu quả nếu pháp luật và thẩm quyền cho phép.

7. Tổ chức, cá nhân lợi dụng phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo để cố ý vu khống, cung cấp thông tin sai sự thật, xâm phạm danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác bị xem xét xử lý theo quy định; không áp dụng quy định này đối với người cung cấp thông tin thiện chí nhưng kết quả xác minh không chứng minh được vi phạm.

8. Vụ việc liên quan tổ chức, cá nhân ngoài Học viện, yếu tố nước ngoài hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được phối hợp, chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế, hợp đồng, thỏa thuận và quy định có liên quan.

Điều 34. Cập nhật, công khai thông tin và báo cáo kết quả xử lý

1. Đối với trường hợp phải cập nhật theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP, Học viện cập nhật thông tin lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành kết luận.

2. Vụ Quản lý khoa học chủ trì xác định phạm vi, nội dung thông tin cập nhật; Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số thực hiện thao tác kỹ thuật trên cơ sở nội dung đã được phê duyệt. Thông tin cập nhật gồm các nội dung theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

3. Khi kết luận bị sửa đổi, hủy bỏ hoặc có quyết định giải quyết khiếu nại làm thay đổi nội dung đã cập nhật, Vụ Quản lý khoa học chủ trì phối hợp cập nhật, cải chính thông tin trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày văn bản có hiệu lực hoặc theo thời hạn do pháp luật quy định.

4. Việc công khai thông tin trên Cổng Thông tin điện tử, ấn phẩm hoặc phương tiện khác được thực hiện độc lập với nghĩa vụ cập nhật lên nền tảng số quốc gia và phải đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi, thời điểm; bảo đảm chính xác, tối thiểu hóa dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, quyền riêng tư, danh dự và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

5. Vụ Quản lý khoa học lưu trữ, tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý; các đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, theo dõi và báo cáo việc thực hiện biện pháp khắc phục.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Các đơn vị trực thuộc Học viện tổ chức phổ biến, quán triệt, thực hiện Quy tắc; lồng ghép yêu cầu liên chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn chính sách, công bố, xuất bản và hoạt động chuyên môn có liên quan.

2. Các đơn vị tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học được tiếp cận, cập nhật quy định; chủ động phòng ngừa, phát hiện, báo cáo và phối hợp xử lý dấu hiệu vi phạm.

3. Người đứng đầu đơn vị định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu báo cáo tình hình thực hiện, vụ việc phát sinh và kết quả khắc phục về Vụ Quản lý khoa học. Học viện trực thuộc tổ chức thực hiện thống nhất trong phạm vi quản lý và không được ban hành quy định trái với Quy tắc này.

4. Vụ Quản lý khoa học chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Giám đốc Học viện về việc thực hiện Quy tắc.

Điều 36. Hướng dẫn và điều khoản chuyển tiếp

1. Vụ Quản lý khoa học tham mưu Giám đốc Học viện ban hành hoặc hướng dẫn thống nhất về: trích dẫn và tài liệu tham khảo; kiểm tra tương đồng, trùng lặp, đạo văn, tự đạo văn; ngưỡng tham chiếu kỹ thuật; cam kết tuân thủ; khai báo xung đột lợi ích; xác nhận đóng góp tác giả; tuyên bố sử dụng trí tuệ nhân tạo; kế hoạch quản lý dữ liệu; đồng thuận tham gia nghiên cứu; tiếp nhận, xác minh, kết luận và xử lý thông tin về vi phạm.

2. Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số tham mưu danh mục công cụ, nền tảng được phép sử dụng; tiêu chuẩn kỹ thuật, lưu trữ, sao lưu, tích hợp, phân quyền, lưu vết và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ thực hiện Quy tắc.

3. Đối với nhiệm vụ, công trình, sản phẩm bắt đầu trước ngày Quyết định ban hành Quy tắc có hiệu lực nhưng còn tiếp tục thực hiện, các yêu cầu về phòng ngừa, quản lý dữ liệu, công bố, sử dụng trí tuệ nhân tạo và trách nhiệm giải trình được áp dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc xem xét hành vi đã xảy ra trước thời điểm này thực hiện theo quy định có hiệu lực tại thời điểm xảy ra hành vi và quy định pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Vụ Quản lý khoa học để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

5. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu trong Quy tắc này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới./.